ĐÁNH GIÁ PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CÔNG TÁC CỦA CỬ NHÂN NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH THEO HƯỚNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU XÃ HỘI

Nguyễn Văn Hòa*

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, tác giả đã lựa chọn được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân ngành Huấn luyên thể thao (HLTT) theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, nhằm lấy ý kiến của người sử dụng lao động, các chuyên gia, nhà quản lý, các huấn luyện viên đánh giá sản phẩm đào tạo của ngành HLTT là những sinh viên ra trường, đang công tác tại các Trung tâm Thể dục thể thao (TDTT), các câu lạc bộ thể thao thuộc các tỉnh thành phía Bắc.

Từ khóa: Lựa chọn, hệ thống tiêu chuẩn và tiêu chí, đánh giá phẩm chất và năng lực, Khoa huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Working quality and capacity assessment of Sports Training Bachelors at Bac Ninh Sport University towards meeting social needs

Summay:
Using the common scientific research methods, the author has chosen a set of standards and criteria to evaluate the working quality and capacity of Sports Training Bachelors towards meeting the social needs in order to collect the opinion of the employers, professionals, managers, coaches to evaluate the quality of Sports Training Bachelors, who are working at the sports Center, clubs in the Northern provinces.

Keywords: select, set of standards and criteria, quality and capacity assessment, Sports Training Faculty, Bac Ninh Sport University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là vấn đề luôn được các Trường đại học cũng như toàn xã hội quan tâm. Tuy nhiên, tùy theo quan niệm và cách tiếp cận của các bên liên quan như (người học, người dạy, nhà quản lý, người sử dụng lao động…), mà chất lượng được hiểu và đánh giá theo những cách khác nhau. Từ đó kết quả đánh giá và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cũng có thể khác nhau về nội dung hoặc mức độ đối với từng vấn đề cụ thể. Trong khi đó mối quan tâm chủ yếu của người sử dụng lao động là sản phẩm đào tạo, đó là phẩm chất và năng lực công tác của sinh viên tốt nghiệp. Dựa trên việc đánh giá về phẩm chất và năng lực công tác của người sử dụng lao động đối với cử nhân Ngành HLTT sau khi ra trường công tác, tìm ra những mặt mạnh và những hạn chế trong quá trình công tác. Từ đó đề ra những giải pháp phù hợp với nhu cầu thực tiễn xã hội nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân Ngành HLTT; do vậy công tác đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội là việc làm cần thiết và rất quan trọng.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn tọa đàm; Phương pháp sử dụng thang đo Likert xác định chất lượng ý kiến đánh giá, Phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

1.1. Cơ sở lý luận xác định các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

*ThS, Phó Trưởng Khoa Huấn luyện thể thao, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Tác giả đã tiến hành phân tích và tổng hợp các văn bản pháp lý của Nhà nước quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT, đặc biệt là các văn bản sau:

Quyết định số 09/2007/QĐ-BNV ngày 05/12/2007 của Bộ trưởng Bộ nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức ngành TDTT quy định rõ "Ngạch, bậc, hệ số, yêu cầu của từng loại cán bộ TDTT như Huấn luyện viên (HLV) cao cấp, HLV chính, hướng dẫn viên TDTT"; Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 ban hành, "Tiêu chuẩn các ngạch viên chức ngành TDTT", gồm HLV cao cấp mã số ngạch 18.179; HLV chính (18.180); HLV (18.181) và Hướng dẫn viên (18.182). Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ VHTT&DL và Bộ trưởng Bộ Nội về "quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDTT". Thông tư nêu rõ Huấn luyện viên cấp cao (hạng I) mã số: V.01.01.01, Huấn luyện viên chính (hạng II) mã số: V.01.01.02, Huấn luyện viên (hạng III) mã số: V.01.01.03, Hướng dẫn viên (hạng IV) mã số: V.01.01.04, quy định rõ nhiệm vụ, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng và tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các văn bản quan trọng nói trên quy định rõ về chức trách, nhiệm vụ yêu cầu về kiến thức và năng lực của các chức danh, ngạch viên chức của các HLV cao cấp, HLV chính, HLV và hướng dẫn viên. Đây là cơ sở quan trọng để xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn, đánh giá phẩm chất, năng lực của cử nhân Ngành HLTT và vị trí việc làm của HLV.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu của các tác giả Lưu Quang Hiệp (2013) "Đánh giá thực trạng đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực thể thao đến năm 2020 ở các Tỉnh phía Bắc". Tác giả đã nghiên cứu được 8 tiêu chuẩn và 24 tiêu chí đánh giá chất lượng cán bộ TDTT các Tỉnh phía Bắc bao gồm các tiêu chuẩn: Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống (5 tiêu chí); Năng lực tìm hiểu quần chúng môi trường công tác (2 tiêu chí); Năng lực xây dựng kế hoạch công tác (2 tiêu chí); Năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch công tác (5 tiêu chí); Năng lực hoạt động thực tiễn (3 tiêu chí); Năng lực chỉ đạo kiểm tra đánh giá kế hoạc hoạt động (3 tiêu chí); Năng lực hoạt động chính trị xã hội (2 tiêu chí); Năng lực phát triển nghề nghiệp (2 tiêu chí). Thứ hai: Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ của tác giả Đặng Văn Dũng (2005) trong đề tài "Nâng cao hiệu quả hoạt động của HLV đội tuyển quốc gia", đã đề xuất 4 tiêu chuẩn và 24 tiêu chí đánh giá đánh giá hiệu quả hoạt động của HLV: Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ (6 tiêu chí); Hiệu quả trong quan hệ với tập thể (2 tiêu chí); Hiệu quả phát triển chuyên môn nghiệp vụ (10 tiêu chí); Đánh giá các mặt còn hạn chế (6 tiêu chí).

Từ kết quả nghiên cứu các văn bản của Nhà nước quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên, huấn luyện viên, hướng dẫn viên TDTT, kết hợp những kết quả của các công trình nghiên cứu có liên quan nói trên là cơ sở để tác giả lựa chọn được những tiêu chuẩn tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Lựa chọn các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành Huấn luyện thể thao Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Dựa trên cơ sở các văn bản pháp quy về đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cán bộ TDTT, kết hợp việc tổng hợp kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn miệng, tọa đàm với các chuyên gia, các nhà quản lý. Kết quả phỏng vấn đã tthống nhất 5 tiêu chuẩn và 42 tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT sau khi ra trường công tác tại cơ sở.

Để lựa chọn các tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT, đảm bảo được tính khoa học và tính khách quan, tác giả đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi tới 72 cán bộ gồm: 30 người là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các phòng, khoa, trung tâm của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và 42 người là cán bộ quản lý, HLV có kinh nghiệm tại các Trung tâm ĐT VĐV ở các tỉnh, thành phố phía Bắc. Thang điểm đánh giá với 3 mức độ ưu tiên:

Ưu tiên 1 = 3 điểm; Ưu tiên 2 = 2 điểm; Ưu tiên 3 = 1 điểm.

Kết quả phỏng vấn các chuyên gia, nhà quản lý, các HLV đã lựa chọn được 05 tiêu chuẩn và 32 tiêu chí nhằm đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân ngành HLTT như sau: Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống (6 tiêu chí); Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 3: Năng lực xây dựng kế hoạch công tác (5 tiêu chí); Tiêu chuẩn 4: Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn (9 tiêu chí); Tiêu chuẩn 5: Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ (7 tiêu chí).

1.3. Xác định độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội.

Để xác định độ tin cậy của các tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội, tác giả phỏng vấn lần 2 trên cơ sở đánh giá của 72 cán bộ quản lý, giảng viên, HLV. Phỏng vấn lần 2 được thực hiện sau phỏng vấn lần 1 hai tháng.

Kết quả xác định độ tin cậy giữa hai lần phỏng vấn của các tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành Huấn luyện thể thao theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội cho thấy $\chi_{tính} < \chi_{bảng}$ (3.84) sự khác biệt không có ý nghĩa ở ngưỡng P > 0,05. Như vậy giữa hai lần phỏng vấn các cán bộ quản lý, giảng viên, HLV của Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và của các trung tâm HLTT đều ít có sự thay đổi ý kiến giữa các lần phỏng vấn, hay cho rằng những tiêu chí mà tác giả đã lựa chọn đều đảm bảo độ tin cậy trong đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT.

2. Đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT Trường Đại học TDTT Bắc Ninh theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội

Phương pháp đánh giá bằng việc sử dụng thang đo Liker, các mức độ đánh giá được tiến hành trên thang điểm 5. Dựa trên giá trị khoảng cách là 0,8 giá trị trung bình ở các tiêu chí được đánh giá thống nhất theo mức: 1,00 - 1,80: Yếu; 1,81 - 2,60: Trung bình; 2,61 - 3,40: Khá; 3,41 - 4,20: Tốt; 4,21 - 5,00: Rất tốt. Kết quả đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT được tổng hợp tại bảng 1.

Kết quả đánh giá tại bảng 1 thể hiện phẩm chất năng lực của sinh viên khoa HLTT ra trường công tác tại Trung tâm đào tạo VĐV, các Trường phổ thông năng khiếu, các CLB thể thao thành tích cao, được người sử dụng lao động đánh giá cụ thể là ở các tiêu chuẩn sau:

Tiêu chuẩn 1: Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống: Các tiêu chí trong tiêu chuẩn này đều đạt ở mức tốt và rất tốt có số điểm đạt từ (3.87 điểm đến 4.41 điểm).

Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể: Hầu hết các tiêu chí trong tiêu chuẩn này đều đạt ở mức tốt có số điểm đạt từ (3.77 điểm đến 3.88 điểm).

Có 01 tiêu chí: Nắm hiểu đặc điểm tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội các hoạt động Đảng, đoàn thể của đơn vị và địa phương, được đánh giá ở mức độ khá đạt 3.16 điểm.

Tiêu chuẩn 3: Năng lực xây dựng kế hoạch công tác: Hầu hết các tiêu chí trong tiêu chuẩn này đều đạt ở mức tốt có số điểm đạt từ (3.56 điểm đến 3.86 điểm).

Tuy nhiên còn có 02 tiêu chí chỉ đạt ở mức khá đó là tiêu chí: Khả năng dự báo tình hình phát triển TDTT ở địa phương để ứng dụng và điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và kế hoạch; Xây dựng các tài liệu chung và chuyên môn cần thiết, sắp xếp và khai thác khoa học hiệu quả. Cả hai tiêu chí này đạt mức điểm là 3.11 điểm.

Tiêu chuẩn 4: Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Tất cả các tiêu chí trong tiêu chuẩn này đều đạt ở mức tốt có số điểm đạt từ (3.45 điểm đến 4.13 điểm). Đây là tiêu chuẩn được người sử dụng lao động đánh giá cao nhất đối với sinh viên tốt nghiệp ngành HLTT, tiêu chuẩn năng lực tổ chức thực hiện chuyên môn nghiệp vụ phản ánh những kiến thức, kỹ năng cơ bản của môn thể thao chuyên ngành mà các em đã được trang bị trên nghế Nhà trường.

Tiêu chuẩn 5: Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ: Có các tiêu chí trong tiêu chuẩn này đều đạt ở mức tốt đó là: Có khả năng tự nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo và huấn luyện; Ứng dụng các kỹ

Bảng 1. Kết quả đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội (n=206)

TT	Các tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá											
		Rất tốt		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		Điểm TB	Đánh giá
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	x	
Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống													
1	Yêu nước, yêu CNXH, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của nơi công tác	98	47.57	99	48.06	6	2.91	1	0.49	2	0.97	4.41	Rất tốt
2	Yêu nghề, sống trung thực lành mạnh có phẩm chất đạo đức tốt, là tấm gương tốt cho VĐV noi theo	81	39.32	106	51.46	15	7.28	3	1.46	1	0.49	4.28	Rất tốt
3	Đoàn kết với đồng nghiệp, tôn trọng VĐV có ý thức xây dựng tập thể tốt, để cùng thực hiện mục tiêu ĐT và huấn luyện	65	31.55	111	53.88	23	11.17	6	2.91	1	0.49	4.13	Tốt
4	Đối xử công bằng, thân thiện, thương yêu và giúp đỡ VĐV, luôn bảo vệ lẽ phải	60	29.13	101	49.03	29	14.08	15	7.28	1	0.49	3.99	Tốt
5	Lối sống văn minh giản dị, phù hợp bản sắc dân tộc và môi trường XH, đặc thù nghề nghiệp	59	28.64	78	37.86	55	26.7	11	5.34	3	1.46	3.87	Tốt
6	Phong cách, tác phong làm việc đúng đắn, khoa học và hiệu quả	71	34.47	83	40.29	34	16.5	13	6.31	5	2.43	3.98	Tốt
Giá trị trung bình Tiêu chuẩn đánh giá các mặt phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống												**4.11**	**Tốt**
Tiêu chuẩn 2. Năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể													
7	Có khả năng nắm bắt được đặc điểm tâm sinh lý của VĐV để phục vụ cho quá trình ĐT huấn luyện	58	28.16	65	31.55	64	31.07	15	7.28	4	1.94	3.77	Tốt
8	Kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, đoàn kết thân thiện và giúp đỡ lẫn nhau	60	29.13	81	39.32	44	21.36	16	7.77	5	2.43	3.85	Tốt
9	Xây dựng môi trường làm việc nghiêm túc, điều chỉnh các mối quan hệ, không ngừng nâng cao kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	57	27.67	81	39.32	43	20.87	19	9.22	6	2.91	3.8	Tốt
10	Khả năng lắng nghe ý kiến, chọn lọc và xử lý các thông tin thường xuyên từ nhu cầu (của VĐV, đồng nghiệp và lãnh đạo)	63	30.58	73	35.44	55	26.7	13	6.31	2	0.97	3.88	Tốt
11	Nắm hiểu đặc điểm tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, XH các hoạt động Đảng, đoàn thể của đơn vị và địa phương	35	16.99	45	21.84	56	27.18	57	27.67	13	6.31	3.16	Khá
Giá trị trung bình Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tìm hiểu môi trường công tác và quan hệ với tập thể												**3.69**	**Tốt**
Tiêu chuẩn 3. Năng lực xây dựng kế hoạch chuyên môn (KHHL)													
12	Xác định mục tiêu, nhiệm vụ, nắm hiểu các nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch HLTT	58	28.16	66	32.04	61	29.61	13	6.31	8	3.88	3.74	Tốt
13	Có khả năng xây dựng kế hoạch, soạn giáo án phù hợp với đặc thù của bộ môn theo hướng đào tạo huấn luyện hiện đại	62	30.1	81	39.32	43	20.87	13	6.31	7	3.4	3.86	Tốt
14	Khả năng dự báo tình hình phát triển TDTT ở địa phương để ứng dụng và điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và kế hoạch	35	16.99	38	18.45	69	33.5	43	20.87	21	10.19	3.11	Khá
15	Có khả năng dự báo xu hướng và kết quả thi đấu (để đưa ra đối sách phù hợp)	55	26.7	62	30.1	45	21.84	32	15.53	12	5.83	3.56	Tốt
16	Xây dựng các tài liệu chung và chuyên môn cần thiết, sắp xếp và khai thác khoa học hiệu quả	41	19.9	39	18.93	47	22.82	59	28.64	20	9.71	3.11	Khá

Giá trị trung bình Tiêu chuẩn đánh giá năng lực xây dựng kế hoạch công tác												**3.48**	**Tốt**
Tiêu chuẩn 4. Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn													
17	Hoàn thành nhiệm vụ thi đấu hàng năm, có VĐV đạt thành tích thi đấu cao và cung cấp VĐV cho đội tuyển tuyến trên	60	29.13	69	33.5	39	18.93	31	15.05	7	3.4	3.7	Tốt
18	Thực hiện hiệu quả kế hoạch huấn luyện, đạt được thành tích thi đấu mong muốn	54	26.21	53	25.73	58	28.16	30	14.56	11	5.34	3.53	Tốt
19	Có kỹ năng và kiến thức chuyên môn tốt, sử dụng linh hoạt các phương tiện, phương pháp huấn luyện đặc thù.	81	39.32	66	32.04	29	14.08	26	12.62	4	1.94	3.94	Tốt
20	Trực tiếp chỉ đạo thi đấu có ảnh hưởng tích cực tới thành tích, phân tích và tổng kết báo cáo sau thi đấu	51	24.76	54	26.21	62	30.1	30	14.56	9	4.37	3.52	Tốt
21	Bình tĩnh giải quyết các tình huống xảy ra trong quá trình thi đấu, biết lắng nghe và tiếp thu những góp ý, tự rút kinh nghiệm để tiến bộ	60	29.13	72	34.95	49	23.79	21	10.19	4	1.94	3.79	Tốt
22	Năng lực vận dụng các nguyên tắc và phương pháp tổ chức quản lý trong hoạt động huấn luyện phù hợp, vận dụng sáng tạo kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn	57	27.67	41	19.9	59	28.64	35	16.99	14	6.8	3.45	Tốt
23	Năng lực tổ chức giảng dạy, huấn luyện và trọng tài thể thao và thi đấu các giải TDTT ở cơ sở	89	43.2	71	34.47	32	15.53	12	5.83	2	0.97	4.13	Tốt
24	Kiểm tra, đánh giá kết quả huấn luyện, thành tích của VĐV: bảo đảm yêu cầu chính xác, toàn diện, công bằng, khách quan	76	36.89	84	40.78	34	16.5	11	5.34	1	0.49	4.08	Tốt
25	Đánh giá mức độ triển khai kế hoạch, và hiệu quả hoàn thành các nhiệm vụ, kế hoạch được giao	60	29.13	49	23.79	51	24.76	36	17.48	10	4.85	3.55	Tốt
Giá trị trung bình Tiêu chuẩn đánh giá năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn												**3.74**	**Tốt**
Tiêu chuẩn 5. Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ													
26	Có khả năng tự nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả ĐT và huấn luyện	65	31.55	51	24.76	45	21.84	32	15.53	13	6.31	3.6	Tốt
27	Phát hiện, tìm ra các phương pháp, quan điểm huấn luyện mới để giải quyết vấn đề trong quá trình huấn luyện và công tác	32	15.53	37	17.96	54	26.21	67	32.52	16	7.77	3.01	Khá
28	Ứng dụng các kỹ thuật, phương pháp mới và khoa học công nghệ để giải quyết các vấn đề trong huấn luyện	54	26.21	48	23.3	55	26.7	38	18.45	11	5.34	3.47	Tốt
29	Nghiên cứu cải tiến phương tiện kỹ thuật, khai thác các phương tiện hiện đại	36	17.48	42	20.39	50	24.27	57	27.67	21	10.19	3.07	Khá
30	Biết dự báo và phát hiện kịp thời các nhiệm vụ mới phát sinh	55	26.7	58	28.16	49	23.79	35	16.99	9	4.37	3.56	Tốt
31	Khả năng giao tiếp với quốc tế	12	5.83	23	11.17	45	21.84	85	41.26	41	19.9	2.42	Trung bình
32	Kỹ năng xây dựng văn bản và khai thác công nghệ thông tin	21	10.19	25	12.14	47	22.82	74	35.92	39	18.93	2.59	Trung bình
Giá trị trung bình Tiêu chuẩn đánh giá năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ												**3.1**	**Khá**

thuật, phương pháp mới và khoa học công nghệ để giải quyết các vấn đề trong huấn luyện; Biết dự báo và phát hiện kịp thời các nhiệm vụ mới phát sinh là những tiêu chí được đánh giá tốt có số điểm đạt từ (3.47 điểm đến 3.60 điểm).

Còn lại các tiêu chí như: Phát hiện, tìm ra các phương pháp, quan điểm huấn luyện mới để giải quyết vấn đề trong quá trình huấn luyện và công tác; Nghiên cứu cải tiến phương tiện kỹ thuật, khai thác các phương tiện hiện đại được đánh giá ở mức Khá có số điểm trung bình đạt từ (3.01 điểm đến 3.07 điểm). Đặc biệt là 02 tiêu chí: Khả năng giao tiếp với quốc tế; Kỹ năng xây dựng văn bản và khai thác công nghệ thông tin, có số điểm đạt ở mức (2.42 điểm đến 2.59 điểm), chỉ đạt ở mức trung bình. Điều này cho thấy đây là những mặt còn hạn chế trong quá trình công tác của sinh viên ngành HLTT.

Từ những kết quả đánh giá được phẩm chất và năng lực công tác của 195 cán bộ là cựu sinh viên của khoa HLTT đang công tác tại các cơ sở. Hầu hết các ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động đều đạt ở mức Tốt. Đặc biệt là các tiêu chí trong tiêu chuẩn (năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn) được các Nhà quản lý, HLV có kinh nghiệp đánh giá rất cao và là ưu điểm nổi trội của sinh viên ngành HLTT. Song vẫn còn nhiều tiêu chí chỉ đạt điểm Trung bình và Khá. Đây là cơ sở quan trọng nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành HLTT.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 05 tiêu chuẩn và 32 tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân Ngành HLTT.

Kết quả đánh giá của người sử dụng lao động đối với sản phẩm đào tạo cho thấy, những tiêu chuẩn có điểm trung bình đạt mức Tốt gồm: Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường công tác; Năng lực xây dựng kế hoạch công tác; Năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tuy nhiên về tiêu chuẩn Năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thì điểm trung bình đạt ở mức Khá. Trong 05 tiêu chuẩn trên còn có nhiều tiêu chí, chỉ đạt ở mức Khá và Trung bình đó là: Khả năng dự báo tình hình phát triển TDTT ở địa phương để ứng dụng và điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và kế hoạch; Xây dựng các tài liệu chung và chuyên môn cần thiết, sắp xếp và khai thác khoa học hiệu quả; Phát hiện, tìm ra các phương pháp, quan điểm huấn luyện mới để giải quyết vấn đề trong quá trình huấn luyện và công tác; Nghiên cứu cải tiến phương tiện kỹ thuật, khai thác các phương tiện hiện đại; Khả năng giao tiếp với quốc tế; Kỹ năng xây dựng văn bản và khai thác công nghệ thông tin. Đây là những mặt hạn chế bộc lộ trong quá trình công tác của cử nhân Ngành HLTT, từ đó giúp nhà quản lý, xây dựng chương trình có giải pháp kịp thời nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Ngành HLTT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Dũng (2015), "Nâng cao hiệu quả hoạt động của huấn luyện viên đội tuyển quốc gia", *Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ*, Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch.

2. Lưu Quang Hiệp (2013), "Đánh giá thực trạng và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực TDTT đến năm 2020 ở các tỉnh phía bắc", *Đề tài khoa học và công nghệ cấp bộ*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội.

3. Quyết định số 12/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 10 tháng 3 năm 2008 ban hành, "tiêu chuẩn các ngạch viên chức ngành Thể dục thể thao", Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch.

4. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Nội về "quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành TDTT", Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch.

5. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, 2010 "Chương trình đào tạo ngành HLTT".

6. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

(Bài nộp ngày 14/11/2016, Phản biện ngày 25/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016)